UBND HUYỆN ĐIỆN BIÊN

TRƯỜNG MẦM NON XÃ THANH CHĂN

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG THÁNG 4 NĂM 2025

Lương TT: 2.340.000đ

Stt	Họ và tên	Mục 6000		Mục 6100												Tổng lương	TLNV		Các khoản thu			Tổng lĩnh
		Hệ số	Số tiền	Chức vụ		Khu vực	Phụ cấp khác		Thâm niên		Biên giới 30%	Ưu đãi 50%	VK				Số ngày	Số giờ	10,5% BHXH lương	10,5% CV	10,5% thâm niên, TN VK	
				Hệ số	Số tiền		Hệ số	Số tiền	%	Số tiền			Hệ số	Số tiền								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	17			20	21	22	23
1	Phan Thị Hòa	4,32	10.108.800	0,50	1.170.000	1.170.000			21%	2.368.548	3.383.640	5.639.400		-	23.840.388			1.061.424	122.850	248.698	22.407.416
2	Vũ Thị Thanh Trà	4,32	10.108.800	0,35	819.000	1.170.000			19%	2.076.282	3.278.340	5.463.900			22.916.322			1.061.424	85.995	218.010	21.550.893
3	Lò Thị Anh Thư	3,65	8.541.000	0,35	819.000	1.170.000			17%	1.591.200	2.808.000	4.680.000			19.609.200			896.805	85.995	167.076	18.459.324
4	Lương Thị Thanh	4,99	11.633.200		-	1.170.000			29%	3.582.194	3.705.718	6.176.196	6%	699.192	26.986.499			1.223.586	-	449.545	25.313.368
5	Đỗ Thị Mơ	4,98	11.633.200		-	1.170.000			23%	2.680.236	3.495.960	5.826.600			24.825.996			1.223.586	-	281.425	23.320.985
6	Bùi Thị Hòa	4,65	10.881.000		-	1.170.000			24%	2.611.440	3.264.300	5.440.500			23.367.240			1.142.505	-	274.201	21.950.534
7	Hoa Thị Xuyến	4,98	11.633.200		-	1.170.000			24%	2.796.768	3.495.960	5.826.600		-	24.942.528			1.223.586	-	293.661	23.425.281
8	Trần Thị Thúy	4,65	10.881.000	0,20	468.000	1.170.000			19%	2.156.310	3.404.700	5.674.500		-	23.754.510			1.142.505	49.140	226.413	22.336.452
9	Nguyễn Thị Hương	4,27	9.991.800		-	1.170.000			21%	2.098.278	2.997.540	4.995.900		-	21.253.518			1.049.139	-	220.319	19.984.060
10	Mào Thị Thơ	3,96	9.266.400		-	1.170.000			18%	1.667.952	2.779.920	4.633.200			19.517.472			972.972	-	175.135	18.369.365
11	Lò Thị Nhàn	4,32	10.108.800		-	1.170.000			17%	1.718.496	3.032.640	5.054.400			21.084.336			1.061.424	-	180.442	19.842.470
12	Đinh Thị Hảo	4,32	10.108.800		-	1.170.000			17%	1.718.496	3.032.640	5.054.400			21.084.336			1.061.424	-	180.442	19.842.470
13	Lò Thị Cương	3,65	8.541.000		-	1.170.000			18%	1.537.380	2.562.300	4.270.500			18.081.180			896.805	-	161.425	17.022.950
14	Quàng Thị Phúc	3,65	8.541.000	0,15	351.000	1.170.000			17%	1.511.640	2.667.600	4.446.000			18.687.240			896.805	36.855	158.722	17.594.858
15	Vì Thị Xuyến	3,65	8.541.000		-	1.170.000			17%	1.451.970	2.562.300	4.270.500			17.995.770			896.805	-	152.457	16.946.508
16	Quàng Thị Nga	3,65	8.541.000		-	1.170.000			20%	1.708.200	2.562.300	4.270.500			18.252.000			896.805	-	179.361	17.175.834
17	Nguyễn Ngọc Hà	3,99	9.336.600		-	1.170.000			18%	1.680.588	2.800.980	4.668.300			19.656.468			980.343	-	176.462	18.499.663
18	Nguyễn Thị Oanh	3,65	8.541.000	0,20	468.000	1.170.000			16%	1.441.440	2.702.700	4.504.500			18.827.640			896.805	49.140	151.351	17.730.344
19	Lò Thị Phinh	3,65	8.541.000		-	1.170.000			18%	1.537.380	2.562.300	4.270.500			18.081.180			896.805	-	161.425	17.022.950
20	Hà Thị Nhàm	3,99	9.336.600		-	1.170.000			18%	1.680.588	2.800.980	4.668.300			19.656.468		-	980.343	-	176.462	18.499.663
21	Lò Thị Tiên	3,65	8.541.000		-	1.170.000			17%	1.451.970	2.562.300	4.270.500			17.995.770			896.805	-	152.457	16.946.508
22	Lò Thị Xuyến	3,65	8.541.000		-	1.170.000			17%	1.451.970	2.562.300	4.270.500			17.995.770			896.805	-	152.457	16.946.508
23	Lò Thị Lá	3,66	8.564.400		-	1.170.000			16%	1.370.304	2.569.320	4.282.200			17.956.224			899.262	-	143.882	16.913.080

Được quét bằng CamScanner

24	Lương Thị Luen	3,34	7.815.600		-	1.170.000			13%	1.016.028	2.344.680	3.907.800			16.254.108			820.638	-	106.683	15.326.787
25	Nguyễn Thị Nga	3,03	7.090.200		-	1.170.000			12%	850.824	2.127.060	3.545.100			14.783.184			744.471	-	89.337	13.949.376
26	Trần Thị Hồng Nhung	3,65	8.541.000		-	1.170.000			15%	1.281.150	2.562.300	4.270.500			17.824.950			896.805	-	134.521	16.793.624
27	Phạm Thị Hải	3,34	7.815.600	0,15	351.000	1.170.000			11%	898.326	2.449.980	4.083.300			16.768.206			820.638	36.855	94.324	15.816.389
28	Lê Thị Thắm	3,34	7.815.600		-	1.170.000			11%	859.716	2.344.680	3.907.800			16.097.796			820.638	-	90.270	15.186.888
29	Nguyễn Thị Thuý	2,66	6.224.400	0,20	468.000	1.170.000					2.007.720				9.870.120			653.562	49.140	-	9.167.418
30	Đào Thị Hoa	4,32	10.108.800			1.170.000	0,1	234.000			3.032.640				14.545.440			1.061.424	-	-	13.484.016
	Cộng	117,92	275.932.800	2,10	4.914.000	35.100.000	0,1	234.000	503%	48.795.674	84.463.798	132.372.396	6%	699.192	582.511.859			28.972.944	515.970	5.196.961	547.825.984
31	Lò Văn Phương		3.450.000							-					3.450.000			362.250			3.087.750
	Cộng		3.450.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.450.000			362.250	-	-	3.087.750
	Tổng cộng	117,92	279.382.800	2,10	4.914.000	35.100.000	0,1	234.000	503%	48.795.674	84.463.798	132.372.396	6%	699.192	585.961.859			29.335.194	515.970	5.196.961	550.913.734

KẾ TOÁN

Đào Thị Hoa

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TRƯỜNG MẦM NON XÃ THANH CHĂN

Phan Thị Hoa

Được quét bằng CamScanner